

Số: 1208.01/2024

Hải Phòng, ngày 12 tháng 08 năm 2024

CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Kính gửi: Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội

Thực hiện quy định tại khoản 3 Điều 14 Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, CTCP Đầu tư dịch vụ và phát triển Xanh thực hiện công bố thông tin báo cáo tài chính (BCTC) bán niên năm 2024 với Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội như sau:

1. Tên tổ chức: **CTCP ĐẦU TƯ DỊCH VỤ VÀ PHÁT TRIỂN XANH**

- Mã chứng khoán: GIC

- Địa chỉ: Lô CC2 – Khu công nghiệp MP Đình Vũ, phường Đông Hải 2, quận Hải An, thành phố Hải Phòng.

- Điện thoại liên hệ/Tel: 0225.2838666

Fax:

- Email:.....

Website: www.greenicd.com.vn

2. Nội dung thông tin công bố:

- BCTC bán niên năm 2024

BCTC riêng (TCNY không có công ty con và đơn vị kế toán cấp trên có đơn vị trực thuộc);

BCTC hợp nhất (TCNY có công ty con);

BCTC tổng hợp (TCNY có đơn vị kế toán trực thuộc tổ chức bộ máy kế toán riêng)

- Các trường hợp thuộc diện phải giải trình nguyên nhân:

+ Tổ chức kiểm toán đưa ra ý kiến không phải là ý kiến chấp nhận toàn phần đối với BCTC (đối với BCTC được soát xét/được kiểm toán):

Có

Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

Có

Không

+ Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo có sự chênh lệch trước và sau kiểm toán từ 5% trở lên, chuyển từ lỗ sang lãi hoặc ngược lại (đối với BCTC được kiểm toán năm 2022):

Có

Không



Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

 Có Không

+ Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại báo cáo kết quả kinh doanh của kỳ báo cáo thay đổi từ 10% trở lên so với báo cáo cùng kỳ năm trước:

 Có Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

 Có Không

+ Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo bị lỗ, chuyển từ lãi ở báo cáo cùng kỳ năm trước sang lỗ ở kỳ này hoặc ngược lại:

 Có Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

 Có Không

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày: 12/08/2024 tại đường dẫn: <https://greenicd.com.vn/vn/bao-cao-tai-chinh.html>

3. Báo cáo về các giao dịch có giá trị từ 35% tổng tài sản trở lên trong năm 2023.

Trường hợp TCNY có giao dịch đề nghị báo cáo đầy đủ các nội dung sau:

- Nội dung giao dịch:.....
- Tỷ trọng giá trị giao dịch/tổng giá trị tài sản của doanh nghiệp (%) (căn cứ trên báo cáo tài chính năm gần nhất);.....
- Ngày hoàn thành giao dịch:.....

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin công bố.

Tài liệu đính kèm:

- BCTC Bán niên/2024;
- Văn bản giải trình.

Đại diện tổ chức

Người đại diện theo pháp luật



GIÁM ĐỐC
Đông Trung Hải



CÔNG TY CP ĐẦU TƯ DỊCH VỤ
VÀ PHÁT TRIỂN XANH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 1208/2024-GIC

Hải phòng, ngày 12 tháng 08 năm 2024

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

Căn cứ vào các quy định công bố thông tin của công ty đại chúng, Công ty cổ phần Đầu tư dịch vụ và Phát triển Xanh (mã chứng khoán: GIC) xin giải trình về việc Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại Báo cáo kết quả hoạt động kinh 06 tháng đầu năm 2024 so với báo cáo cùng kỳ năm trước có biến động từ 10% trở lên trên Báo cáo tài chính như sau:

Đơn vị tính: đồng

Stt	Chỉ tiêu	06 tháng đầu năm 2024	06 tháng đầu năm 2023	Chênh lệch tăng	Tỷ lệ tăng (%)
1	Lợi nhuận sau thuế TNDN	7.687.704.522	6.897.080.603	790.623.919	10,28%

Nguyên nhân chủ yếu:

Trong 06 tháng đầu năm 2024 doanh thu giảm 14,71% so với cùng kỳ năm 2023 do sản lượng thông qua bãi giảm. Tuy nhiên trong kỳ chi phí quản lý doanh nghiệp giảm 19,41% so với cùng kỳ năm trước. Đây là nguyên nhân chính làm lợi nhuận sau thuế 06 tháng đầu năm 2024 trên Báo cáo tài chính tăng 790.623.919 đồng, tương ứng tăng 23,06% so với cùng kỳ năm trước.

Trân trọng!

**ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC
NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁT LUẬT
GIÁM ĐỐC**



ĐÔNG TRUNG HẢI

Nơi nhận:
- Như trên;
- Lưu TC-TH

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ DỊCH VỤ VÀ PHÁT TRIỂN XANH

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ
CHO KỲ KẾ TOÁN 6 THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2024



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ DỊCH VỤ VÀ PHÁT TRIỂN XANH

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ
CHO KỶ KẾ TOÁN 6 THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2024**

NỘI DUNG	TRANG
Thông tin về doanh nghiệp	1
Báo cáo của Ban Giám đốc	2
Báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ	3
Bảng cân đối kế toán giữa niên độ (Mẫu số B 01a – DN)	5
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ (Mẫu số B 02a – DN)	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ (Mẫu số B 03a – DN)	8
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ (Mẫu số B 09a – DN)	9

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ DỊCH VỤ VÀ PHÁT TRIỂN XANH

THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP

Giấy Chứng nhận

Đăng ký Doanh nghiệp Số 0201768923 đề ngày 24 tháng 1 năm 2017

Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp và các Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp điều chỉnh do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hải Phòng cấp. Thay đổi gần nhất (lần 3) của Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp được cấp ngày 1 tháng 12 năm 2020.

Giấy Chứng nhận Đăng ký Đầu tư

Số 8585663882 đề ngày 18 tháng 2 năm 2022

Giấy Chứng nhận Đăng ký Đầu tư do Ban Quản lý Khu Kinh tế Hải Phòng cấp có thời hạn hoạt động là 35 năm kể từ ngày của Giấy Chứng nhận Đăng ký Đầu tư.

Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Đức Dũng	Chủ tịch (bổ nhiệm ngày 15/3/2024)
Ông Cáp Trọng Cường	Chủ tịch (miễn nhiệm ngày 15/3/2024)
Ông Nguyễn Kim Dương Khôi	Thành viên
Ông Nguyễn Thế Trọng	Thành viên
Ông Đồng Trung Hải	Thành viên
Bà Trần Thị Phương Anh	Thành viên

Ban Kiểm soát

Bà Nghiêm Thị Thùy Dương	Trưởng ban
Bà Phan Thị Trung Hiếu	Thành viên
Bà Phạm Thị Thuý Ngọc	Thành viên

Ban Giám đốc

Ông Đồng Trung Hải	Giám đốc
Ông Đặng Quốc Vệ	Phó giám đốc (bổ nhiệm ngày 1/6/2024)

Người đại diện theo pháp luật

Ông Đồng Trung Hải	Giám đốc
--------------------	----------

Trụ sở chính

Lô CC2, Khu Công nghiệp MP Đình Vũ, Phường Đông Hải 2, Quận Hải An, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam

Công ty kiểm toán

Chi nhánh Công ty TNHH PwC (Việt Nam) tại Hà Nội

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ DỊCH VỤ VÀ PHÁT TRIỂN XANH

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Trách nhiệm của Ban Giám đốc của Công ty đối với Báo cáo Tài chính giữa niên độ

Ban Giám đốc của Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ và Phát triển Xanh ("Công ty") chịu trách nhiệm lập báo cáo tài chính giữa niên độ thể hiện trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc cùng ngày nêu trên. Trong việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- chọn lựa các chính sách kế toán phù hợp và áp dụng một cách nhất quán;
- thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng; và
- lập báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở Công ty hoạt động liên tục trừ khi giả định Công ty hoạt động liên tục là không phù hợp.

Ban Giám đốc của Công ty chịu trách nhiệm bảo đảm rằng các sổ sách kế toán đúng đắn đã được thiết lập và duy trì để thể hiện tình hình tài chính của Công ty với độ chính xác hợp lý tại mọi thời điểm và để làm cơ sở lập báo cáo tài chính giữa niên độ tuân thủ theo chế độ kế toán được trình bày ở Thuyết minh 2 của báo cáo tài chính giữa niên độ. Ban Giám đốc của Công ty cũng chịu trách nhiệm đối với việc bảo vệ các tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp hợp lý ngăn ngừa và phát hiện các gian lận hoặc nhầm lẫn.

Phê chuẩn Báo cáo Tài chính giữa niên độ

Theo đây, chúng tôi phê chuẩn báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty đính kèm từ trang 5 đến trang 34. Báo cáo tài chính giữa niên độ này thể hiện trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc cùng ngày nêu trên, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Thay mặt Ban Giám đốc



Đông Trung Hải
Giám đốc/Người đại diện theo pháp luật

Hải Phòng, nước CHXHCN Việt Nam
Ngày 9 tháng 8 năm 2024



BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ GỬI CÁC CỔ ĐÔNG CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ DỊCH VỤ VÀ PHÁT TRIỂN XANH

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ và Phát triển Xanh (“Công ty”) được lập ngày 30 tháng 6 năm 2024, và được Ban Giám đốc của Công ty phê chuẩn ngày 9 tháng 8 năm 2024. Báo cáo tài chính giữa niên độ này bao gồm: bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2024, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày nêu trên, và thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ bao gồm các chính sách kế toán chủ yếu từ trang 5 đến trang 34.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc của Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính giữa niên độ này dựa trên kết quả soát xét. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.



Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2024, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày nêu trên, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Thay mặt và đại diện cho Chi nhánh Công ty TNHH PwC (Việt Nam) tại Hà Nội



Đỗ Đức Hậu
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán:
2591-2023-006-1
Chữ ký được ủy quyền

Số hiệu báo cáo soát xét: HAN 3818
Hà Nội, ngày 9 tháng 8 năm 2024

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Tại ngày	
			30.6.2024 VND	31.12.2023 VND
100	TÀI SẢN NGẮN HẠN		35.184.692.592	59.473.566.277
110	Tiền và các khoản tương đương tiền	3	15.880.941.301	43.520.227.724
111	Tiền		4.880.941.301	8.020.227.724
112	Các khoản tương đương tiền		11.000.000.000	35.500.000.000
130	Các khoản phải thu ngắn hạn		16.733.688.623	12.596.726.345
131	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	4	6.083.026.220	1.140.464.476
132	Trả trước cho người bán ngắn hạn		20.840.900	1.067.500.000
135	Phải thu về cho vay ngắn hạn	5	10.000.000.000	10.000.000.000
136	Phải thu ngắn hạn khác	6	629.821.503	388.761.869
140	Hàng tồn kho	7	2.391.284.690	3.095.444.230
141	Hàng tồn kho		2.391.284.690	3.095.444.230
150	Tài sản ngắn hạn khác		178.777.978	261.167.978
151	Chi phí trả trước ngắn hạn	8(a)	178.777.978	261.167.978
200	TÀI SẢN DÀI HẠN		217.842.577.663	207.953.363.730
220	Tài sản cố định		36.172.386.461	43.799.300.690
221	Tài sản cố định hữu hình	9(a)	36.172.386.461	43.799.300.690
222	Nguyên giá		153.456.732.137	153.394.732.137
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(117.284.345.676)	(109.595.431.447)
227	Tài sản cố định vô hình	9(b)	-	-
228	Nguyên giá		1.121.382.459	1.121.382.459
229	Giá trị khấu hao lũy kế		(1.121.382.459)	(1.121.382.459)
250	Đầu tư tài chính dài hạn		68.852.989.984	49.536.637.974
253	Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	10	70.000.000.000	50.000.000.000
254	Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	10	(1.147.010.016)	(463.362.026)
260	Tài sản dài hạn khác		112.817.201.218	114.617.425.066
261	Chi phí trả trước dài hạn	8(b)	112.817.201.218	114.617.425.066
270	TỔNG TÀI SẢN		253.027.270.255	267.426.930.007

Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 34 là một phần cấu thành báo cáo tài chính giữa niên độ.

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ
(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Tại ngày	
			30.6.2024 VND	31.12.2023 VND
300	NỢ PHẢI TRẢ		19.214.226.859	24.791.591.133
310	Nợ ngắn hạn		18.559.464.917	24.136.829.191
311	Phải trả người bán ngắn hạn	11	4.827.246.966	5.553.347.453
312	Người mua trả tiền trước ngắn hạn		52.674.600	72.243.905
313	Thuế và các khoản phải nộp ngân sách Nhà nước	12	1.274.571.516	1.444.231.875
314	Phải trả người lao động	13	5.039.082.135	9.091.253.933
315	Chi phí phải trả ngắn hạn	14	5.772.610.386	6.898.093.579
319	Phải trả ngắn hạn khác		701.105.314	851.984.446
322	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	15	892.174.000	225.674.000
330	Nợ dài hạn		654.761.942	654.761.942
342	Dự phòng phải trả dài hạn	16	654.761.942	654.761.942
400	VỐN CHỦ SỞ HỮU		233.813.043.396	242.635.338.874
410	Vốn chủ sở hữu		233.813.043.396	242.635.338.874
411	Vốn góp của chủ sở hữu	17,18	121.200.000.000	121.200.000.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		121.200.000.000	121.200.000.000
418	Quỹ đầu tư phát triển	18	104.925.338.874	104.804.160.218
421	Lợi nhuận sau thuế ("LNST") chưa phân phối	18	7.687.704.522	16.631.178.656
421b	- LNST chưa phân phối của kỳ này/năm nay		7.687.704.522	16.631.178.656
440	TỔNG NGUỒN VỐN		253.027.270.255	267.426.930.007



Nguyễn Thị Thu Hằng
Kế toán trưởng/Người lập



Đông Trung Hải
Giám đốc/Người đại diện theo pháp luật
Ngày 9 tháng 8 năm 2024

Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 34 là một phần cấu thành báo cáo tài chính giữa niên độ.

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ

Mã số	Thuyết minh	Kỳ 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm	
		2024 VND	2023 VND
01	Doanh thu cung cấp dịch vụ	73.179.734.115	83.946.643.438
02	Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-
10	Doanh thu thuần về cung cấp dịch vụ	73.179.734.115	83.946.643.438
11	Giá vốn dịch vụ cung cấp	(43.279.393.669)	(51.907.442.488)
20	Lợi nhuận gộp về cung cấp dịch vụ	29.900.340.446	32.039.200.950
21	Doanh thu hoạt động tài chính	632.373.292	886.659.329
22	Chi phí tài chính	(683.647.990)	-
25	Chi phí bán hàng	(18.596.734.847)	(22.206.370.984)
26	Chi phí quản lý doanh nghiệp	(2.983.955.391)	(2.968.975.657)
30	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	8.268.375.510	7.750.513.638
31	Thu nhập khác	265.783.589	83.497.591
32	Chi phí khác	(1.707.008)	(35.650.000)
40	Lợi nhuận khác	264.076.581	47.847.591
50	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	8.532.452.091	7.798.361.229
51	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") hiện hành	(844.747.569)	(901.280.626)
52	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	-	-
60	Lợi nhuận sau thuế TNDN	7.687.704.522	6.897.080.603
70	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	19(a) 634	501
71	Lãi suy giảm trên cổ phiếu	19(b) 634	501



Nguyễn Thị Thu Hằng
Kế toán trưởng/Người lập



Đông Trung Hải
Giám đốc/Người đại diện theo pháp luật
Ngày 9 tháng 8 năm 2024

Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 34 là một phần cấu thành báo cáo tài chính giữa niên độ.

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ
(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	Thuyết minh	Kỳ 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm	
		2024 VND	2023 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	Lợi nhuận kế toán trước thuế	8.532.452.091	7.798.361.229
	Điều chỉnh cho các khoản:		
02	Khấu hao tài sản cố định ("TSCĐ")	7.856.455.971	9.231.219.640
03	Các khoản dự phòng	683.647.990	-
05	Lãi từ hoạt động đầu tư	(670.285.405)	(886.659.329)
08	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	16.402.270.647	16.142.921.540
09	(Tăng)/giảm các khoản phải thu	(2.514.687.137)	67.687.669
10	Giảm hàng tồn kho	704.159.540	111.212.970
11	(Giảm)/tăng các khoản phải trả	(6.530.424.820)	5.121.096.452
12	Giảm chi phí trả trước	1.882.613.848	2.692.305.284
15	Thuế TNDN đã nộp	(920.707.023)	(502.361.576)
17	Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	(993.500.000)	(1.330.000.000)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	8.029.725.055	22.302.862.339
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	(1.543.481.481)	-
25	Chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	(20.000.000.000)	-
27	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	361.950.003	886.659.329
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	(21.181.531.478)	886.659.329
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
36	Tiền chi trả cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	(14.487.480.000)	(12.120.000.000)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	(14.487.480.000)	(12.120.000.000)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	(27.639.286.423)	11.069.521.668
60	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	3 43.520.227.724	29.639.378.630
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	-	-
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	3 15.880.941.301	40.708.900.298

Giao dịch chủ yếu không sử dụng tiền trong kỳ kế toán bao gồm khoản phải thu liên quan tới thanh lý TSCĐ tại ngày 30 tháng 6 năm 2024 là 1.351.851.852 Đồng (tại ngày 30 tháng 6 năm 2023: không có).



Nguyễn Thị Thu Hằng
Kế toán trưởng/Người lập



Đông Trung Hải
Giám đốc/Người đại diện theo pháp luật
Ngày 9 tháng 8 năm 2024

Các thuyết minh trang 9 đến trang 34 là một phần cấu thành báo cáo tài chính giữa niên độ.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ
CHO KỲ KẾ TOÁN 6 THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2024**

1 ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ và Phát triển Xanh (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại nước CHXHCN Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0201768923 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hải Phòng cấp ngày 24 tháng 1 năm 2017. Thay đổi gần nhất (lần 3) của Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp được cấp ngày 1 tháng 12 năm 2020.

Công ty nhận được Giấy Chứng nhận Đăng ký Đầu tư số 8585663882 đề ngày 18 tháng 2 năm 2022 do Ban Quản lý Khu Kinh tế Hải Phòng cấp có thời hạn hoạt động là 35 năm kể từ ngày của Giấy Chứng nhận Đăng ký Đầu tư.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội với mã giao dịch cổ phiếu là GIC.

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là cung cấp dịch vụ khai thác kho bãi như: xếp dỡ, lưu giữ, bảo quản, sửa chữa và vệ sinh container.

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2024, Công ty có 122 nhân viên (tại ngày 31 tháng 12 năm 2023: 127 nhân viên).

Hoạt động kinh doanh của Công ty không có tính thời vụ hoặc tính chu kỳ ảnh hưởng tới báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty.

Khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính: số liệu so sánh trên báo cáo tài chính giữa niên độ và các thuyết minh liên quan bao gồm số liệu của báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 đã được soát xét và báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 đã được kiểm toán.

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

2.1 Cơ sở của việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ

Báo cáo tài chính giữa niên độ đã được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ. Báo cáo tài chính giữa niên độ được lập theo nguyên tắc giá gốc.

Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo không nhằm mục đích trình bày tình hình tài chính, kết quả kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán thường được chấp nhận ở các nước và các thể chế khác ngoài nước Việt Nam. Các nguyên tắc và thông lệ kế toán sử dụng tại nước Việt Nam có thể khác với các nguyên tắc và thông lệ kế toán tại các nước và các thể chế khác.

2.2 Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12. Báo cáo tài chính giữa niên độ được lập cho kỳ kế toán 6 tháng từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 30 tháng 6.

2.3 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Công ty sử dụng đơn vị tiền tệ trong kế toán và trình bày trên báo cáo tài chính giữa niên độ là Đồng Việt Nam (“VND” hoặc “Đồng”).

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ
CHO KỶ KẾ TOÁN 6 THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2024**

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

2.4 Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá giao dịch thực tế áp dụng tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ.

Tài sản và nợ phải trả bằng tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày của bảng cân đối kế toán lần lượt được quy đổi theo tỷ giá mua và tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch áp dụng tại ngày của bảng cân đối kế toán giữa niên độ. Các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng tại của ngày bảng cân đối kế toán giữa niên độ được quy đổi theo tỷ giá mua của chính ngân hàng thương mại nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc quy đổi này được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ.

2.5 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, tiền đang chuyển, và các khoản đầu tư ngắn hạn khác có thời hạn đáo hạn ban đầu không quá ba tháng.

2.6 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu thể hiện giá trị ghi sổ của các khoản phải thu khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch cung cấp dịch vụ; và các khoản phải thu khác không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch cung cấp dịch vụ. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi được lập cho từng khoản phải thu căn cứ vào thời gian quá hạn trả nợ gốc theo cam kết nợ ban đầu (không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên), hoặc căn cứ vào mức tổn thất ước tính có thể xảy ra. Chênh lệch giữa khoản dự phòng phải lập ở cuối kỳ kế toán này và khoản dự phòng đã lập ở cuối kỳ kế toán trước được ghi nhận tăng hoặc giảm chi phí quản lý doanh nghiệp trong kỳ kế toán. Các khoản phải thu được xác định là không thể thu hồi sẽ được xóa sổ.

Các khoản phải thu được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên bảng cân đối kế toán giữa niên độ căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày của bảng cân đối kế toán giữa niên độ tới ngày đến hạn thu hồi.

2.7 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được thể hiện theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được xác định trên cơ sở bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Trong trường hợp các sản phẩm được sản xuất, giá gốc bao gồm tất cả chi phí trực tiếp và chi phí sản xuất chung dựa trên mức độ hoạt động bình thường. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ kế toán kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

Dự phòng được lập cho hàng tồn kho bị lỗi thời, chậm lưu chuyển và bị hỏng. Chênh lệch giữa khoản dự phòng phải lập ở cuối kỳ kế toán này và khoản dự phòng đã lập ở cuối kỳ kế toán trước được ghi nhận tăng hoặc giảm giá vốn hàng bán trong kỳ kế toán.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ
CHO KỶ KẾ TOÁN 6 THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2024**

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

2.8 Đầu tư tài chính

(a) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác là các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác nhưng không có quyền kiểm soát hoặc đồng kiểm soát, không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư. Các khoản đầu tư này được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Sau đó, Ban Giám đốc thực hiện việc rà soát đối với tất cả các khoản đầu tư để ghi nhận dự phòng vào cuối kỳ kế toán.

(b) Dự phòng giảm giá đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Dự phòng giảm giá đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được lập vào cuối kỳ kế toán khi có sự giảm giá trị của các khoản đầu tư.

Dự phòng giảm giá đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được tính dựa trên giá trị thị trường nếu giá trị thị trường được xác định một cách tin cậy. Nếu giá trị thị trường không thể được xác định một cách tin cậy, dự phòng giảm giá đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được tính dựa trên khoản lỗ của bên được đầu tư.

Chênh lệch giữa khoản dự phòng lập ở cuối kỳ kế toán này và khoản dự phòng đã lập ở cuối kỳ kế toán trước được ghi nhận tăng hoặc giảm chi phí tài chính trong kỳ kế toán. Khoản dự phòng được hoàn nhập không vượt quá giá trị ghi sổ ban đầu.

2.9 Cho vay

Cho vay là các khoản cho vay với mục đích thu lãi hàng kỳ theo khế ước giữa các bên nhưng không được giao dịch mua, bán trên thị trường như chứng khoán.

Cho vay được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Sau đó, Ban Giám đốc thực hiện việc rà soát đối với tất cả các khoản còn chưa thu để ghi nhận dự phòng các khoản cho vay khó đòi vào cuối kỳ kế toán. Dự phòng các khoản cho vay khó đòi được lập cho từng khoản cho vay căn cứ vào thời gian quá hạn trả nợ gốc theo cam kết nợ ban đầu (không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên), hoặc căn cứ vào mức tổn thất ước tính có thể xảy ra. Chênh lệch giữa khoản dự phòng lập ở cuối kỳ kế toán này và khoản dự phòng đã lập ở cuối kỳ kế toán trước được ghi nhận tăng hoặc giảm chi phí tài chính trong kỳ kế toán. Khoản dự phòng được hoàn nhập không vượt quá giá trị ghi sổ ban đầu.

Cho vay được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên bảng cân đối kế toán giữa niên độ căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản cho vay tại ngày của bảng cân đối kế toán giữa niên độ đến ngày tới hạn thu hồi.

2.10 TSCĐ

TSCĐ hữu hình và TSCĐ vô hình

TSCĐ được phản ánh theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế. Nguyên giá bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp đến việc có được TSCĐ ở trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá TSCĐ nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ kế toán.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ
CHO KỲ KẾ TOÁN 6 THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2024****2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)****2.10 TSCĐ (tiếp theo)***TSCĐ hữu hình và TSCĐ vô hình (tiếp theo)*

Quyền sử dụng đất bao gồm quyền sử dụng đất do Nhà nước giao có thu tiền sử dụng đất, quyền sử dụng đất nhận chuyển nhượng hợp pháp, và tiền sử dụng đất đã trả trước cho các hợp đồng thuê đất có hiệu lực trước ngày hiệu lực của Luật đất đai 2003 (tức là ngày 1 tháng 7 năm 2004) và được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Quyền sử dụng đất có thời hạn được phản ánh theo nguyên giá trừ khấu hao lũy kế. Nguyên giá của quyền sử dụng đất bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc có được quyền sử dụng đất. Quyền sử dụng đất được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời hạn của quyền sử dụng đất.

Quyền sử dụng đất không có thời hạn được ghi nhận theo nguyên giá và không khấu hao.

Khấu hao

TSCĐ được khấu hao theo phương pháp đường thẳng để giảm dần giá trị phải khấu hao trong suốt thời gian hữu dụng ước tính. Giá trị phải khấu hao là nguyên giá của TSCĐ ghi trên báo cáo tài chính giữa niên độ trừ đi giá trị thanh lý ước tính của tài sản đó. Thời gian hữu dụng ước tính của các loại tài sản như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	5 – 25 năm
Máy móc, thiết bị	3 – 10 năm
Phương tiện vận tải	3 – 10 năm
Thiết bị văn phòng	4 – 5 năm
Phần mềm	3 năm

Thanh lý

Lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý, nhượng bán TSCĐ được xác định bằng số chênh lệch giữa số tiền thu thuần do thanh lý với giá trị còn lại của TSCĐ và được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang thể hiện giá trị của các tài sản trong quá trình lắp đặt hoặc xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê hoặc quản trị, hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác, được ghi nhận theo giá gốc, bao gồm toàn bộ chi phí cần thiết để xây dựng mới hoặc sửa chữa, cải tạo, mở rộng hay trang bị lại kỹ thuật công trình như chi phí xây dựng; chi phí thiết bị; chi phí bồi thường, hỗ trợ và tái định cư; chi phí quản lý dự án; chi phí tư vấn đầu tư xây dựng; và chi phí vay được vốn hóa đối với tài sản đủ điều kiện phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Khấu hao của những tài sản này, cũng giống như các loại TSCĐ khác, sẽ bắt đầu được trích khi tài sản đã sẵn sàng cho mục đích sử dụng.

2.11 Thuê tài sản

Thuê hoạt động là loại hình thuê TSCĐ mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản thuộc về bên cho thuê. Khoản thanh toán dưới hình thức thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê hoạt động.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ
CHO KỶ KẾ TOÁN 6 THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2024****2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)****2.12 Chi phí trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán giữa niên độ. Chi phí trả trước ngắn hạn phản ánh số tiền trả trước để được cung cấp dịch vụ; hoặc các công cụ, dụng cụ không thỏa mãn điều kiện ghi nhận TSCĐ trong khoảng thời gian không quá 12 tháng hoặc một chu kỳ sản xuất kinh doanh kể từ ngày trả trước. Chi phí trả trước dài hạn phản ánh số tiền trả trước để được cung cấp dịch vụ; hoặc các công cụ, dụng cụ không thỏa mãn điều kiện ghi nhận TSCĐ có thời hạn trên 12 tháng hoặc hơn một chu kỳ sản xuất kinh doanh kể từ ngày trả trước. Các khoản chi phí trả trước này được ghi nhận theo giá gốc và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính.

Tiền thuê đất trả trước cho các hợp đồng thuê đất có hiệu lực sau ngày hiệu lực của luật đất đai 2003 (tức là ngày 1 tháng 7 năm 2004) hoặc không được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì được ghi nhận là chi phí trả trước và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng.

2.13 Nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được phân loại dựa vào tính chất bao gồm:

- Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa và dịch vụ; và
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua hàng hóa và dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên bảng cân đối kế toán giữa niên độ căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày của bảng cân đối kế toán giữa niên độ tới ngày đến hạn thanh toán.

2.14 Chi phí phải trả

Chi phí phải trả bao gồm các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán trong kỳ kế toán nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ kế toán.

2.15 Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại, pháp lý hoặc liên đới, phát sinh từ các sự kiện đã xảy ra; việc thanh toán nghĩa vụ nợ có thể sẽ dẫn đến sự giảm sút về những lợi ích kinh tế và giá trị của nghĩa vụ nợ đó được ước tính một cách đáng tin cậy. Dự phòng không được ghi nhận cho các khoản lỗ hoạt động trong tương lai.

Dự phòng được tính trên cơ sở các khoản chi phí dự tính phải thanh toán nghĩa vụ nợ. Nếu ảnh hưởng về giá trị thời gian của tiền là trọng yếu thì dự phòng được tính trên cơ sở giá trị hiện tại với tỷ lệ chiết khấu trước thuế và phản ánh những đánh giá trên thị trường hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó. Giá trị tăng lên do ảnh hưởng của yếu tố thời gian được ghi nhận là chi phí tài chính. Chênh lệch giữa khoản dự phòng lập ở cuối kỳ kế toán này và khoản dự phòng đã lập chưa sử dụng ở cuối kỳ kế toán trước được ghi nhận tăng hoặc giảm chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ kế toán.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ
CHO KỲ KẾ TOÁN 6 THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2024**

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

2.16 Vốn chủ sở hữu

Vốn góp chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực tế góp của các cổ đông và được phản ánh theo mệnh giá của cổ phiếu.

Thặng dư vốn cổ phần là khoản chênh lệch giữa vốn góp theo mệnh giá cổ phiếu với giá thực tế phát hành cổ phiếu; chênh lệch giữa giá mua lại cổ phiếu quỹ và giá tái phát hành cổ phiếu quỹ.

LNST chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi hoặc lỗ) sau thuế TNDN của Công ty tại thời điểm báo cáo.

2.17 Phân chia lợi nhuận

Cổ tức của Công ty được ghi nhận là một khoản phải trả trong báo cáo tài chính của kỳ kế toán mà cổ tức được thông qua tại Đại hội đồng Cổ đông.

LNST TNDN có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng Cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ như sau:

(a) Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ LNST TNDN của Công ty và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng Cổ đông. Quỹ được sử dụng để đầu tư mở rộng quy mô kinh doanh của Công ty.

(b) Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ khen thưởng phúc lợi được trích lập từ LNST TNDN của Công ty và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng Cổ đông. Quỹ được trình bày là một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán giữa niên độ và được sử dụng cho các hoạt động phúc lợi cho nhân viên Công ty.

2.18 Ghi nhận doanh thu

(a) Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ khi dịch vụ đã được cung cấp, bằng cách tính mức độ hoàn thành của từng giao dịch, dựa trên cơ sở đánh giá tỉ lệ dịch vụ đã cung cấp so với tổng khối lượng dịch vụ phải cung cấp.

Doanh thu cung cấp dịch vụ chỉ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ
CHO KỶ KẾ TOÁN 6 THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2024**

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

2.18 Ghi nhận doanh thu (tiếp theo)

(b) Thu nhập lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ khi thỏa mãn đồng thời hai điều kiện:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

2.19 Giá vốn dịch vụ cung cấp

Giá vốn dịch vụ cung cấp là tổng chi phí phát sinh của dịch vụ cung cấp cho khách hàng trong kỳ kế toán, được ghi nhận theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu và nguyên tắc thận trọng.

2.20 Chi phí tài chính

Chi phí tài chính phản ánh những khoản chi phí hoạt động tài chính phát sinh trong kỳ kế toán và chủ yếu bao gồm chi phí dự phòng tổn thất đầu tư góp vốn vào đơn vị khác.

2.21 Chi phí bán hàng

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình cung cấp dịch vụ.

2.22 Chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình quản lý chung của Công ty.

2.23 Thuế TNDN hiện hành và thuế TNDN hoãn lại

Thuế TNDN bao gồm toàn bộ số thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế TNDN. Chi phí thuế TNDN bao gồm chi phí thuế TNDN hiện hành và chi phí thuế TNDN hoãn lại.

Thuế TNDN hiện hành là số thuế TNDN phải nộp hoặc thu hồi được tính trên thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN của kỳ kế toán hiện hành. Thuế TNDN hiện hành và thuế TNDN hoãn lại được ghi nhận là thu nhập hay chi phí khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của kỳ kế toán phát sinh, ngoại trừ trường hợp thuế TNDN phát sinh từ một giao dịch hoặc sự kiện được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu trong cùng kỳ kế toán hay một kỳ kế toán khác.

Thuế TNDN hoãn lại, sử dụng các phương thức công nợ, được tính đầy đủ dựa trên các khoản chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả trên báo cáo tài chính giữa niên độ và cơ sở tính thuế TNDN của các khoản mục này. Thuế TNDN hoãn lại không được ghi nhận khi nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả của một giao dịch mà giao dịch này không phải là giao dịch sáp nhập doanh nghiệp, không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận/lỗ tính thuế TNDN tại thời điểm phát sinh giao dịch. Thuế TNDN hoãn lại được tính theo thuế suất dự tính được áp dụng trong niên độ mà tài sản được thu hồi hoặc khoản nợ phải trả được thanh toán dựa trên thuế suất đã ban hành hoặc xem như có hiệu lực tại ngày của bảng cân đối kế toán giữa niên độ.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ
CHO KỶ KẾ TOÁN 6 THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2024****2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)****2.23 Thuế TNDN hiện hành và thuế TNDN hoãn lại (tiếp theo)**

Tài sản thuế TNDN hoãn lại được ghi nhận khi có khả năng sẽ có lợi nhuận tính thuế TNDN trong tương lai để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ.

2.24 Các bên liên quan

Các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết trong cùng tập đoàn là các bên liên quan. Các bên liên kết, các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những cá nhân quản lý chủ chốt bao gồm Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Giám đốc, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan, Công ty căn cứ vào bản chất của mối quan hệ chứ không chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

2.25 Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo khu vực địa lý). Mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Báo cáo bộ phận cơ bản của Công ty là dựa theo bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh hoặc theo khu vực địa lý.

2.26 Ước tính kế toán trọng yếu

Việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu về tài sản, nợ phải trả và việc trình bày các khoản nợ phải trả và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc kỳ kế toán cũng như các số liệu về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ kế toán.

Các ước tính và giả định có ảnh hưởng trọng yếu trong báo cáo tài chính bao gồm:

- Thời gian hữu dụng ước tính của TSCĐ (Thuyết minh 2.10);
- Các khoản dự phòng (Thuyết minh 2.15); và
- Chi phí thuế TNDN (Thuyết minh 2.23).

Các ước tính và giả định thường xuyên được đánh giá dựa trên kinh nghiệm trong quá khứ và các yếu tố khác, bao gồm các giả định trong tương lai có ảnh hưởng trọng yếu tới báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty và được Ban Giám đốc đánh giá là hợp lý.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ
CHO KỲ KẾ TOÁN 6 THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2024

3 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	30.6.2024 VND	31.12.2023 VND
Tiền mặt	145.463.731	683.824.217
Tiền gửi ngân hàng	4.735.477.570	7.336.403.507
Các khoản tương đương tiền (*)	11.000.000.000	35.500.000.000
	<u>15.880.941.301</u>	<u>43.520.227.724</u>

(*) Các khoản tương đương tiền bao gồm các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại các ngân hàng thương mại trong nước có kỳ hạn ban đầu không quá 3 tháng với lãi suất 3,65%/năm - 3,8%/năm (2023: 3,25%/năm - 4,3%/năm).

4 PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	30.6.2024 VND	31.12.2023 VND
Bên thứ ba	1.602.992.080	732.946.258
Bên liên quan (Thuyết minh 28(b))	4.480.034.140	407.518.218
	<u>6.083.026.220</u>	<u>1.140.464.476</u>

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2024, không có khách hàng bên thứ ba nào có số dư chiếm hơn 10% trên tổng số dư các khoản phải thu ngắn hạn của khách hàng.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2024 và ngày 31 tháng 12 năm 2023, Công ty không có khoản phải thu ngắn hạn của khách hàng nào quá hạn hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi.

5 PHẢI THU VỀ CHO VAY NGẮN HẠN

	30.6.2024 VND	31.12.2023 VND
Bên liên quan (Thuyết minh 28(b))	10.000.000.000	10.000.000.000
	<u>10.000.000.000</u>	<u>10.000.000.000</u>

Đây là khoản cho vay ngắn hạn không có tài sản đảm bảo theo Hợp đồng vay tiền số 01/2023/HĐVT/GIC-VGI đề ngày 24 tháng 10 năm 2023 và Phụ lục số 01 đề ngày 2 tháng 1 năm 2024 với Công ty Cổ phần Cảng cạn Quảng Bình – Đình Vũ (bên liên quan). Thời hạn cho vay là 12 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Lãi suất cho vay được tính bằng lãi suất tiền gửi kỳ hạn 12 tháng của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Bưu điện Liên Việt + biên độ 2%/năm. Lãi vay phát sinh trong năm 2024 cùng gốc vay được thanh toán vào ngày đáo hạn là ngày 24 tháng 10 năm 2024.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ DỊCH VỤ VÀ PHÁT TRIỂN XANH

Mẫu số B 09a – DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ
CHO KỲ KẾ TOÁN 6 THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2024

6 PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	30.6.2024 VND	31.12.2023 VND
Tạm ứng cho nhân viên	154.885.200	82.125.200
Lãi cho vay phải thu (Thuyết minh 28(b))	371.479.454	-
Khác	103.456.849	306.636.669
	<u>629.821.503</u>	<u>388.761.869</u>

7 HÀNG TỒN KHO

	30.6.2024 VND	31.12.2023 VND
Công cụ, dụng cụ	192.827.000	188.827.000
Phụ tùng, linh kiện thay thế	2.198.457.690	2.906.617.230
	<u>2.391.284.690</u>	<u>3.095.444.230</u>

8 CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

(a) Ngắn hạn

	30.6.2024 VND	31.12.2023 VND
Chi phí mua bảo hiểm	<u>178.777.978</u>	<u>261.167.978</u>

(b) Dài hạn

	30.6.2024 VND	31.12.2023 VND
Chi phí thuê đất (*)	112.033.194.900	113.730.667.550
Công cụ, dụng cụ	211.239.624	313.990.822
Dự phòng cho các khoản chi phí khôi phục và hoàn trả mặt bằng (Thuyết minh 16)	572.766.694	572.766.694
	<u>112.817.201.218</u>	<u>114.617.425.066</u>

(*) Chi phí trả trước dài hạn chủ yếu là tiền thuê lô đất CC2 tại Khu Công nghiệp Minh Phương, Đình Vũ đã trả cho giai đoạn từ ngày 25 tháng 1 năm 2017 đến ngày 30 tháng 6 năm 2057 theo Hợp đồng thuê lại đất số 61/2017/HĐTD-MP đề ngày 25 tháng 1 năm 2017 ký với Công ty Cổ phần Đầu tư Bất động sản Minh Phương. Khoản trả trước này được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ
CHO KỲ KẾ TOÁN 6 THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2024**

8 CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC (TIẾP THEO)

(b) Dài hạn (tiếp theo)

Biến động về chi phí trả trước dài hạn trong kỳ kế toán/năm tài chính như sau:

	Từ 1.1.2024 đến 30.6.2024 VND	Từ 1.1.2023 đến 31.12.2023 VND
Số dư đầu kỳ/năm	114.617.425.066	117.293.008.949
Tăng	50.536.364	946.127.875
Phân bổ trong kỳ/năm	(1.850.760.212)	(3.621.711.758)
Số dư cuối kỳ/năm	<u>112.817.201.218</u>	<u>114.617.425.066</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ DỊCH VỤ VÀ PHÁT TRIỂN XANH
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ
CHO KỶ KẾ TOÁN 6 THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2024

Mẫu số B 09a – DN

9	TSCĐ	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị văn phòng VND	Tổng cộng VND
(a)	TSCĐ hữu hình					
	Nguyên giá					
	Tại ngày 1 tháng 1 năm 2024	83.050.294.941	3.100.886.669	66.112.980.996	1.130.569.531	153.394.732.137
	Mua trong kỳ	-	-	1.481.481.481	62.000.000	1.543.481.481
	Thanh lý, nhượng bán	-	-	(1.481.481.481)	-	(1.481.481.481)
	Tại ngày 30 tháng 6 năm 2024	83.050.294.941	3.100.886.669	66.112.980.996	1.192.569.531	153.456.732.137
	Giá trị khấu hao lũy kế					
	Tại ngày 1 tháng 1 năm 2024	(57.278.937.531)	(3.058.646.519)	(48.160.897.931)	(1.096.949.466)	(109.595.431.447)
	Khấu hao trong kỳ	(3.264.872.719)	(39.283.332)	(4.540.176.585)	(12.123.335)	(7.856.455.971)
	Thanh lý, nhượng bán	-	-	167.541.742	-	167.541.742
	Tại ngày 30 tháng 6 năm 2024	(60.543.810.250)	(3.097.929.851)	(52.533.532.774)	(1.109.072.801)	(117.284.345.676)
	Giá trị còn lại					
	Tại ngày 1 tháng 1 năm 2024	25.771.357.410	42.240.150	17.952.083.065	33.620.065	43.799.300.690
	Tại ngày 30 tháng 6 năm 2024	22.506.484.691	2.956.818	13.579.448.222	83.496.730	36.172.386.461

Nguyên giá TSCĐ hữu hình của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2024 đã khấu hao hết nhưng còn sử dụng là 37.433.994.057 Đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2023: 24.693.794.476 Đồng).

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ DỊCH VỤ VÀ PHÁT TRIỂN XANH

Mẫu số B 09a – DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ
CHO KỶ KẾ TOÁN 6 THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2024

9 TSCĐ (TIẾP THEO)

(b) TSCĐ vô hình

	Phần mềm VND
Nguyên giá	
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2024	1.121.382.459
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2024	1.121.382.459
Khấu hao lũy kế	
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2024	(1.121.382.459)
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2024	(1.121.382.459)
Giá trị còn lại	
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2024	-
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2024	-

Nguyên giá TSCĐ vô hình của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2024 đã khấu hao hết nhưng còn sử dụng là 1.121.382.459 Đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2023: 1.121.382.459 Đồng).

10 ĐẦU TƯ GÓP VỐN VÀO ĐƠN VỊ KHÁC

	30.6.2024			31.12.2023		
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND
Công ty Cổ phần Cảng cạn Quảng Binh – Đình Vũ	70.000.000.000	(*)	(1.147.010.016)	50.000.000.000	(*)	(463.362.026)

Theo Hợp đồng chuyển nhượng cổ phần số 01/2024/HĐCN-GLC-GIC đề ngày 26 tháng 2 năm 2024 ký với Công ty TNHH Một thành viên Trung tâm Logistics Xanh (bên liên quan) và Giấy Chứng nhận cổ phần số 10/QBĐV/2024 đề ngày 26 tháng 2 năm 2024, Công ty đã nhận chuyển nhượng thêm 3,8% tỷ lệ cổ phần tại Công ty Cổ phần Cảng cạn Quảng Bình – Đình Vũ (Thuyết minh 28(a)). Tại ngày 30 tháng 6 năm 2024, số lượng cổ phần Công ty sở hữu tại Công ty Cổ phần Cảng cạn Quảng Bình – Đình Vũ tương ứng với 13,31% vốn điều lệ của Công ty này.

Theo Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 10/2023/NQ-HĐQT đề ngày 20 tháng 9 năm 2023 và số 07/2024 đề ngày 30 tháng 3 năm 2024, toàn bộ số cổ phần này đã được sử dụng làm tài sản đảm bảo cho các nghĩa vụ của Công ty Cổ phần Container Việt Nam (công ty mẹ) tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Bảo Việt – Chi nhánh Hải Phòng.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ
CHO KỶ KẾ TOÁN 6 THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2024**

10 ĐẦU TƯ GÓP VỐN VÀO ĐƠN VỊ KHÁC (TIẾP THEO)

(*) Tại ngày 30 tháng 6 năm 2024 và 31 tháng 12 năm 2023, Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của khoản đầu tư này để thuyết minh trên báo cáo tài chính giữa niên độ vì khoản đầu tư này không có giá niêm yết trên thị trường. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.

11 PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	30.6.2024		31.12.2023	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
Bên thứ ba	4.086.168.486	4.086.168.486	3.687.557.054	3.687.557.054
Trong đó				
- Công ty TNHH Thương mại Huyền Yến	844.650.854	844.650.854	548.331.700	548.331.700
- Chi nhánh Công ty TNHH Nam Sung Shipping Việt Nam tại Hải Phòng	617.403.600	617.403.600	718.264.800	718.264.800
- Khác	2.624.114.032	2.624.114.032	2.420.960.554	2.420.960.554
Bên liên quan (Thuyết minh 28(b))	741.078.480	741.078.480	1.865.790.399	1.865.790.399
	<u>4.827.246.966</u>	<u>4.827.246.966</u>	<u>5.553.347.453</u>	<u>5.553.347.453</u>

12 THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU/PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC

Biến động về thuế và các khoản khác phải thu/phải nộp Nhà nước trong kỳ kế toán như sau:

	Tại ngày 1.1.2024 VND	Số phát sinh trong năm VND	Số đã thực nộp trong năm VND	Cần trừ VND	Tại ngày 30.6.2024 VND
a) Phải thu					
Thuế GTGT đầu vào	-	2.846.320.893	-	(2.846.320.893)	-
b) Phải nộp					
Thuế GTGT đầu ra	700.348.987	6.014.839.898	(3.249.569.590)	(2.846.320.893)	619.298.402
Thuế TNDN	550.181.272	844.747.569	(920.707.023)	-	474.221.818
Thuế thu nhập cá nhân	193.701.616	700.213.932	(712.864.252)	-	181.051.296
	<u>1.444.231.875</u>	<u>7.559.801.399</u>	<u>(4.883.140.865)</u>	<u>(2.846.320.893)</u>	<u>1.274.571.516</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ DỊCH VỤ VÀ PHÁT TRIỂN XANH

Mẫu số B 09a – DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ
CHO KỶ KẾ TOÁN 6 THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2024

13 PHẢI TRẢ NGƯỜI LAO ĐỘNG

	30.6.2024 VND	31.12.2023 VND
Chi phí lương	1.130.198.646	1.227.667.791
Chi phí thưởng	3.908.883.489	7.863.586.142
	<u>5.039.082.135</u>	<u>9.091.253.933</u>

14 CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	30.6.2024 VND	31.12.2023 VND
Chi phí hoa hồng	5.437.785.317	5.510.300.110
Khác	334.825.069	1.387.793.469
	<u>5.772.610.386</u>	<u>6.898.093.579</u>

15 QUỸ KHEN THƯỞNG, PHÚC LỢI

Biến động của quỹ khen thưởng, phúc lợi trong kỳ kế toán/năm tài chính như sau:

	Từ 1.1.2024 đến 30.6.2024 VND	Từ 1.1.2023 đến 31.12.2023 VND
Số dư đầu kỳ/năm	225.674.000	607.874.000
Trích từ LNST chưa phân phối (Thuyết minh 18)	1.660.000.000	1.600.000.000
Sử dụng quỹ trong kỳ/năm	(993.500.000)	(1.982.200.000)
	<u>892.174.000</u>	<u>225.674.000</u>

16 DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ DÀI HẠN

	30.6.2024 VND	31.12.2023 VND
Dự phòng cho các khoản chi phí khôi phục và hoàn trả mặt bằng	654.761.942	654.761.942
	<u>654.761.942</u>	<u>654.761.942</u>

Đây là khoản dự phòng chi phí khôi phục và hoàn trả mặt bằng cho khu đất thuê của Công ty khi kết thúc thời hạn thuê theo Hợp đồng thuê lại đất số 61/2017/HĐTĐ-MP đề ngày 25 tháng 1 năm 2017 giữa Công ty và Công ty Cổ phần Đầu tư Bất động sản Minh Phương, theo đó Công ty có nghĩa vụ khôi phục và hoàn trả mặt bằng vào cuối thời hạn hợp đồng thuê. Việc khôi phục bao gồm tháo dỡ các tài sản của Công ty trên khu đất nêu trên và phục hồi khu đất về trạng thái ban đầu.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ DỊCH VỤ VÀ PHÁT TRIỂN XANH

Mẫu số B 09a – DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ
CHO KỶ KẾ TOÁN 6 THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2024

17 VỐN GÓP CỦA CHỦ SỞ HỮU

(a) Số lượng cổ phiếu

	30.6.2024	31.12.2023
Số lượng cổ phiếu đăng ký	12.120.000	12.120.000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	12.120.000	12.120.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	12.120.000	12.120.000

(b) Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	30.6.2024		31.12.2023	
	Cổ phiếu phổ thông	%	Cổ phiếu phổ thông	%
Công ty Cổ phần Container Việt Nam	8.040.000	66,34	8.040.000	66,34
Cổ đông khác	4.080.000	33,66	4.080.000	33,66
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	12.120.000	100	12.120.000	100

(c) Tình hình biến động của vốn cổ phần

	Số lượng cổ phiếu	Cổ phiếu phổ thông VND
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2023	12.120.000	121.200.000.000
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023	12.120.000	121.200.000.000
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2024	12.120.000	121.200.000.000

Mệnh giá cổ phiếu: 10.000 Đồng trên một cổ phiếu.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ DỊCH VỤ VÀ PHÁT TRIỂN XANH

Mẫu số B 09a – DN

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ
CHO KỶ KẾ TOÁN 6 THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2024**

18 TÌNH HÌNH TĂNG GIẢM NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU

	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	LNST chưa phân phối VND	Tổng cộng VND
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2023	121.200.000.000	102.035.769.380	16.648.390.838	239.884.160.218
Chia cổ tức	-	-	(12.120.000.000)	(12.120.000.000)
Trích thường Hội đồng Quản trị và Ban kiểm soát	-	-	(160.000.000)	(160.000.000)
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	(1.600.000.000)	(1.600.000.000)
Trích quỹ đầu tư phát triển	-	2.768.390.838	(2.768.390.838)	-
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	16.631.178.656	16.631.178.656
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023	121.200.000.000	104.804.160.218	16.631.178.656	242.635.338.874
Chia cổ tức (*)	-	-	(14.544.000.000)	(14.544.000.000)
Trích thường Hội đồng Quản trị và Ban kiểm soát (*)	-	-	(306.000.000)	(306.000.000)
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (Thuyết minh 15) (*)	-	-	(1.660.000.000)	(1.660.000.000)
Trích quỹ đầu tư phát triển (*)	-	121.178.656	(121.178.656)	-
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	7.687.704.522	7.687.704.522
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2024	121.200.000.000	104.925.338.874	7.687.704.522	233.813.043.396

(*) Căn cứ theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên số 01/2024/NQ-ĐHĐCĐ đề ngày 15 tháng 3 năm 2024, Công ty đã phân phối 14.544.000.000 Đồng từ LNST chưa phân phối, tương ứng 12% vốn điều lệ tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 để trả cổ tức cho các cổ đông, đồng thời trích quỹ khen thưởng, phúc lợi là 1.660.000.000 Đồng (Thuyết minh 15), trích thường Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát là 306.000.000 Đồng và trích quỹ đầu tư phát triển là 121.178.656 Đồng.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ
CHO KỶ KẾ TOÁN 6 THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2024**

19 LÃI TRÊN CỔ PHIẾU**(a) Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng hiệu của số lợi nhuận thuần phân bổ cho các cổ đông và số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi và cổ tức của cổ phiếu ưu đãi, chia cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ kế toán, điều chỉnh cho cổ phiếu thưởng phát hành trong kỳ kế toán trừ đi cổ phiếu quỹ. Chi tiết như sau:

	Kỳ 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm	
	2024	2023 (Trình bày lại)
Lợi nhuận thuần phân bổ cho các cổ đông (VND)	7.687.704.522	6.897.080.603
Điều chỉnh giảm số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (VND) (*)	-	(830.000.000)
	<u>7.687.704.522</u>	<u>6.067.080.603</u>
Bình quân số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành (cổ phiếu)	12.120.000	12.120.000
Lãi cơ bản trên mỗi cổ phiếu (VND)	<u>634</u>	<u>501</u>

(*) Tại ngày lập báo cáo tài chính này, Công ty chưa trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024. Số thực tế phân phối cho quỹ khen thưởng, phúc lợi cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 sẽ được phê chuẩn trong Đại hội đồng Cổ đông tổ chức trong năm 2025 và có thể có sự khác biệt với số liệu nêu trên.

Lãi cơ bản trên cổ phiếu cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 đã được tính lại dựa theo số thực tế trích quỹ khen thưởng, phúc lợi như sau:

	Kỳ 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023		
	Số liệu báo cáo trước đây	Điều chỉnh	Số liệu trình bày lại
Lợi nhuận thuần phân bổ cho các cổ đông (VND)	6.897.080.603	-	6.897.080.603
Điều chỉnh giảm số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (VND)	-	(830.000.000)	(830.000.000)
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND)	<u>6.897.080.603</u>	<u>(830.000.000)</u>	<u>6.067.080.603</u>
Bình quân số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành (cổ phiếu)	12.120.000	-	12.120.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND)	<u>569</u>	<u>(68)</u>	<u>501</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ
CHO KỶ KẾ TOÁN 6 THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2024

19 LÃI TRÊN CỔ PHIẾU (TIẾP THEO)

(b) Lãi suy giảm trên cổ phiếu

Công ty không có cổ phiếu tiềm tàng có tác động suy giảm lãi trên cổ phiếu trong kỳ kế toán và tính đến ngày báo cáo tài chính giữa niên độ. Do đó, lãi suy giảm trên cổ phiếu bằng với lãi cơ bản trên cổ phiếu.

20 DOANH THU THUẦN VỀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Kỳ 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm	
	2024 VND	2023 VND
Doanh thu xếp dỡ, nâng hạ container	65.112.390.153	76.601.079.085
Doanh thu sửa chữa container	5.815.001.076	5.693.777.608
Doanh thu cung cấp dịch vụ khác	2.252.342.886	1.651.786.745
	<u>73.179.734.115</u>	<u>83.946.643.438</u>

21 GIÁ VỐN DỊCH VỤ CUNG CẤP

	Kỳ 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm	
	2024 VND	2023 VND
Chi phí nhân viên	14.089.647.197	16.866.053.602
Chi phí nguyên vật liệu	10.748.782.625	13.090.685.208
Chi phí dịch vụ mua ngoài	10.387.877.876	12.459.678.583
Chi phí khấu hao	7.856.455.971	9.231.219.640
Chi phí khác	196.630.000	259.805.455
	<u>43.279.393.669</u>	<u>51.907.442.488</u>

22 DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Kỳ 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm	
	2024 VND	2023 VND
Lãi tiền gửi	260.893.838	886.659.329
Lãi cho vay (Thuyết minh 28(a))	371.479.454	-
	<u>632.373.292</u>	<u>886.659.329</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ
CHO KỶ KẾ TOÁN 6 THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2024

23 CHI PHÍ BÁN HÀNG

	Kỳ 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm	
	2024 VND	2023 VND
Chi phí liên quan đến hãng tàu	8.580.069.000	10.130.947.000
Chi phí hoa hồng - bên thứ ba	2.097.838.997	1.283.260.000
Chi phí hoa hồng - bên liên quan (Thuyết minh 28(a)) (*)	7.480.746.094	10.367.450.000
Khác	438.080.756	424.713.984
	<u>18.596.734.847</u>	<u>22.206.370.984</u>

(*) Theo Hợp đồng cung cấp dịch vụ số 01/2023/VGR-GIC đề ngày 1 tháng 1 năm 2023 và số 01/2024/VGR-GIC đề ngày 1 tháng 1 năm 2024 giữa Công ty và Công ty Cổ phần Cảng Xanh VIP (bên liên quan), Công ty chi trả chi phí hoa hồng cho Công ty Cổ phần Cảng Xanh VIP khi Công ty thực hiện và thu được doanh thu từ dịch vụ xếp dỡ, nâng hạ container của các hãng tàu là đối tác của Công ty Cổ phần Cảng Xanh VIP. Chi phí hoa hồng được tính theo số lượng container được xếp dỡ, nâng hạ và đơn giá được quy định cụ thể trong Hợp đồng.

24 CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Kỳ 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm	
	2024 VND	2023 VND
Chi phí nhân viên	1.953.002.738	2.367.247.371
Chi phí dịch vụ mua ngoài	709.018.038	478.738.803
Chi phí khác	321.934.615	122.989.483
	<u>2.983.955.391</u>	<u>2.968.975.657</u>

25 THUẾ TNDN

Ban Giám đốc của Công ty xác định rằng theo các chính sách ưu đãi đầu tư vào Khu Kinh tế Đình Vũ – Cát Hải, Công ty được miễn thuế TNDN trong 4 năm kể từ năm đầu tiên có thu nhập chịu thuế (2017 - 2020) và giảm 50% thuế TNDN trong 9 năm tiếp theo (2021 - 2029). Thuế suất thuế TNDN ưu đãi là 10% áp dụng trong 15 năm được tính liên tục từ năm đầu tiên có doanh thu (2017 - 2031).

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ
CHO KỶ KẾ TOÁN 6 THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2024**

25 THUẾ TNDN (TIẾP THEO)

Số thuế trên lợi nhuận kế toán trước thuế của Công ty khác với số thuế khi được tính theo thuế suất áp dụng 10% như sau:

	Kỳ 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm	
	2024 VND	2023 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	8.532.452.091	7.798.361.229
Thuế tính ở thuế suất 10%	853.245.209	779.836.123
Điều chỉnh:		
- Chi phí không được khấu trừ	836.249.929	1.020.966.594
- Thuế được giảm	(844.747.569)	(900.401.358)
- Dự phòng thiếu của năm trước	-	879.267
Chi phí thuế TNDN (*)	<u>844.747.569</u>	<u>901.280.626</u>
Chi phí thuế TNDN ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh:		
Thuế TNDN - hiện hành	844.747.569	901.280.626
Thuế TNDN - hoãn lại	-	-
Chi phí thuế TNDN (*)	<u>844.747.569</u>	<u>901.280.626</u>

(*) Chi phí thuế TNDN trong kỳ kế toán được ước tính dựa vào thu nhập chịu thuế và có thể có những điều chỉnh tùy thuộc vào sự kiểm tra của cơ quan thuế.

26 CHI PHÍ KINH DOANH THEO YẾU TỐ

Chi phí kinh doanh theo yếu tố thể hiện các chi phí phát sinh trong kỳ kế toán từ hoạt động kinh doanh của Công ty. Chi tiết được trình bày như sau:

	Kỳ 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm	
	2024 VND	2023 VND
Chi phí nhân viên	16.042.649.935	19.233.300.973
Chi phí dịch vụ mua ngoài	11.096.895.914	12.938.417.386
Chi phí nguyên vật liệu	10.748.782.625	13.090.685.208
Chi phí hoa hồng	9.578.585.091	11.650.710.000
Chi phí liên quan đến hãng tàu	8.580.069.000	10.130.947.000
Chi phí khấu hao	7.856.455.971	9.231.219.640
Chi phí khác	956.645.371	807.508.922
	<u>64.860.083.907</u>	<u>77.082.789.129</u>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ
CHO KỶ KẾ TOÁN 6 THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2024**

27 BÁO CÁO BỘ PHẬN

(a) Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Trong năm, Công ty kinh doanh dịch vụ chính là xếp dỡ, nâng hạ và sửa chữa container và các hoạt động kinh doanh phụ trợ khác liên quan đến hoạt động kinh doanh chính. Doanh thu và giá vốn các hoạt động kinh doanh khác chiếm tỷ trọng không đáng kể trong tổng doanh thu cung cấp dịch vụ cũng như giá vốn dịch vụ cung cấp. Do đó, thông tin tài chính trình bày trên Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2024 và Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc cùng ngày nêu trên chủ yếu liên quan đến hoạt động dịch vụ xếp dỡ, nâng hạ và sửa chữa container và các hoạt động kinh doanh phụ trợ khác nêu trên.

(b) Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý

Trong năm, Công ty chỉ hoạt động trong phạm vi lãnh thổ Việt Nam. Do vậy, Công ty không có bộ phận theo khu vực địa lý nào khác ngoài lãnh thổ Việt Nam.

28 THUYẾT MINH VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN

Chi tiết của các bên liên quan chính và mối quan hệ như sau :

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>
Công ty Cổ phần Container Việt Nam	Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Cảng Xanh VIP	Công ty cùng tập đoàn
Công ty TNHH Một thành viên Trung tâm Logistics Xanh	Công ty cùng tập đoàn
Công ty TNHH Một thành viên Vận tải biển Ngôi sao Xanh	Công ty cùng tập đoàn
Công ty TNHH Một thành viên Dịch vụ Cảng Xanh	Công ty cùng tập đoàn
Công ty Cổ phần Container Miền Trung	Công ty cùng tập đoàn
Công ty TNHH Một thành viên Viconship Hồ Chí Minh	Công ty cùng tập đoàn
Công ty TNHH Cảng Nam Hải Đình Vũ	Công ty cùng tập đoàn
Công ty Cổ phần Cảng cạn Quảng Bình – Đình Vũ	Bên nhận đầu tư và công ty cùng tập đoàn

(a) Giao dịch với các bên liên quan

Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan phát sinh trong kỳ kế toán gồm:

	Kỳ 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm	
	2024 VND	2023 VND
i) <i>Doanh thu cung cấp dịch vụ</i>		
Công ty Cổ phần Cảng Xanh VIP	8.142.328.871	8.571.447.260
Công ty TNHH Một thành viên Trung tâm Logistics Xanh	955.997.143	936.277.585
Công ty TNHH Một thành viên Vận tải biển Ngôi sao Xanh	507.850.000	781.106.000
Công ty TNHH Một thành viên Dịch vụ Cảng Xanh	81.520.924	162.300.000
Công ty TNHH Một thành viên Viconship Hồ Chí Minh	103.120.000	339.360.000
Công ty TNHH Cảng Nam Hải Đình Vũ	222.687.274	-
	<u>10.013.504.212</u>	<u>10.790.490.845</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ DỊCH VỤ VÀ PHÁT TRIỂN XANH

Mẫu số B 09a – DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ
CHO KỶ KẾ TOÁN 6 THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2024

28 THUYẾT MINH VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP THEO)

(a) Giao dịch với các bên liên quan (tiếp theo)

	Kỳ 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm	
	2024 VND	2023 VND
ii) Mua nguyên vật liệu		
Công ty Cổ phần Container Việt Nam	-	6.210.140.843
iii) Mua dịch vụ		
Công ty Cổ phần Container Việt Nam	966.000.000	966.000.000
Công ty TNHH Một thành viên Trung tâm Logistics Xanh	48.851.853	6.549.218
Công ty TNHH Một thành viên Vận tải biển Ngôi sao Xanh	3.263.974.000	3.653.902.000
Công ty Cổ phần Container Miền Trung	-	40.818.182
	<u>4.278.825.853</u>	<u>4.667.269.400</u>
iv) Thanh lý TSCĐ, công cụ dụng cụ		
Công ty Cổ phần Cảng Xanh VIP	868.000.000	56.102.970
Công ty TNHH Một thành viên Dịch vụ Cảng Xanh	-	55.110.000
Công ty Cổ phần Cảng cạn Quảng Bình – Đỉnh Vũ	1.351.851.852	-
	<u>2.219.851.852</u>	<u>111.212.970</u>
v) Chi phí hoa hồng		
Công ty Cổ phần Cảng Xanh VIP (Thuyết minh 23)	7.480.746.094	10.367.450.000
vi) Hoạt động đầu tư		
Công ty TNHH Một thành viên Trung tâm Logistics Xanh - Nhận chuyển nhượng cổ phần của Công ty Cổ phần Cảng cạn Quảng Bình – Đỉnh Vũ (Thuyết minh 10)	20.000.000.000	-
vii) Thu nhập từ cho vay (Thuyết minh 22)		
Công ty Cổ phần Cảng cạn Quảng Bình – Đỉnh Vũ	371.479.454	-
viii) Chi trả cổ tức		
Công ty Cổ phần Container Việt Nam	9.648.000.000	8.040.000.000
ix) Giao dịch khác		
Công ty Cổ phần Container Việt Nam - Sử dụng cổ phần của Công ty tại Công ty Cổ phần Cảng cạn Quảng Bình – Đỉnh Vũ làm tài sản đảm bảo cho các nghĩa vụ của Công ty Cổ phần Container Việt Nam tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Bảo Việt – Chi nhánh Hải phòng (Thuyết minh 10)	1.779.992 Cổ phần	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ
CHO KỶ KẾ TOÁN 6 THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2024

28 THUYẾT MINH VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP THEO)

(a) Giao dịch với các bên liên quan (tiếp theo)

		Kỳ 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm	
		2024	2023
		VND	VND
x)	Các khoản chi cho các nhân sự quản lý chủ chốt		
	Hội đồng Quản trị		
	Ông Nguyễn Đức Dũng	Chủ tịch (bổ nhiệm ngày 15/3/2024)	-
	Ông Cáp Trọng Cường	Chủ tịch (miễn nhiệm ngày 15/3/2024)	20.000.000
	Ông Nguyễn Kim Dương Khôi	Thành viên	20.000.000
	Ông Nguyễn Thế Trọng	Thành viên	20.000.000
	Ông Đồng Trung Hải	Thành viên	359.106.882
	Bà Trần Thị Phương Anh	Thành viên	20.000.000
		<u>739.481.032</u>	<u>439.106.882</u>
	Ban Kiểm soát		
	Bà Nghiêm Thị Thùy Dương	Trưởng ban	15.000.000
	Bà Phan Thị Trung Hiếu	Thành viên	10.000.000
	Bà Phạm Thị Thuý Ngọc	Thành viên	10.000.000
		<u>78.000.000</u>	<u>35.000.000</u>
	Ban Giám đốc		
	Ông Đồng Trung Hải	Giám đốc	Như trên
	Ông Đặng Quốc Vệ	Phó giám đốc (bổ nhiệm ngày 1/6/2024)	-
		<u>38.325.000</u>	<u>-</u>
	Kế toán trưởng		
	Bà Nguyễn Thị Thu Hằng	Kế toán trưởng (bổ nhiệm ngày 1/6/2024)	-
	Bà Vũ Trà My	Kế toán trưởng (miễn nhiệm ngày 1/6/2024)	228.645.191
		<u>352.373.636</u>	<u>228.645.191</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ DỊCH VỤ VÀ PHÁT TRIỂN XANH

Mẫu số B 09a – DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ
CHO KỶ KẾ TOÁN 6 THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2024

28 THUYẾT MINH VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP THEO)

(b) Số dư cuối kỳ kế toán/năm tài chính với các bên liên quan

	30.6.2024 VND	31.12.2023 VND
i) Phải thu ngắn hạn khách hàng (Thuyết minh 4)		
Công ty Cổ phần Cảng Xanh VIP	1.985.665.639	-
Công ty TNHH Một thành viên Trung tâm Logistics Xanh	852.238.085	209.219.418
Công ty TNHH Một thành viên Dịch vụ Cảng Xanh	15.066.000	3.726.000
Công ty TNHH Một thành viên Viconship Hồ Chí Minh	62.467.200	194.572.800
Công ty TNHH Cảng Nam Hải Đình Vũ	104.597.216	-
Công ty Cổ phần Cảng cạn Quảng Bình – Đình Vũ	1.460.000.000	-
	<u>4.480.034.140</u>	<u>407.518.218</u>
ii) Phải thu về cho vay ngắn hạn (Thuyết minh 5)		
Công ty Cổ phần Cảng cạn Quảng Bình – Đình Vũ	10.000.000.000	10.000.000.000
	<u>10.000.000.000</u>	<u>10.000.000.000</u>
iii) Phải thu ngắn hạn khác (Thuyết minh 6)		
Công ty Cổ phần Container Việt Nam	84.000.000	84.000.000
Công ty Cổ phần Cảng Xanh VIP	-	22.973.426
Công ty Cổ phần Cảng cạn Quảng Bình – Đình Vũ - Lãi cho vay phải thu	371.479.454	-
	<u>455.479.454</u>	<u>106.973.426</u>
iv) Phải trả người bán ngắn hạn (Thuyết minh 11)		
Công ty Cổ phần Container Việt Nam	174.580.000	174.580.000
Công ty Cổ phần Cảng Xanh VIP	-	863.690.679
Công ty TNHH Một thành viên Vận tải biển Ngôi sao Xanh	549.618.480	807.309.720
Công ty Cổ phần Container Miền Trung	16.880.000	20.210.000
	<u>741.078.480</u>	<u>1.865.790.399</u>
v) Chi phí phải trả ngắn hạn		
Công ty Cổ phần Cảng Xanh VIP	1.200.000.000	95.063.000
	<u>1.200.000.000</u>	<u>95.063.000</u>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ
CHO KỶ KẾ TOÁN 6 THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2024**

29 SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Ngày 5 tháng 7 năm 2024, Công ty Cổ phần Container Việt Nam (công ty mẹ) đã tất toán toàn bộ khoản vay tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Bảo Việt – Chi nhánh Hải Phòng. Tại ngày phát hành báo cáo tài chính giữa niên độ, số lượng cổ phần Công ty sở hữu tại Công ty Cổ phần Cảng cạn Quảng Bình – Đình Vũ (Thuyết minh 10) đã được Ngân hàng Thương mại Cổ phần Bảo Việt – Chi nhánh Hải Phòng giải chấp.

Báo cáo tài chính giữa niên độ đã được Ban Giám đốc của Công ty phê chuẩn ngày 9 tháng 8 năm 2024.



Nguyễn Thị Thu Hằng
Kế toán trưởng/Người lập



Đông Trung Hải
Giám đốc/Người đại diện theo pháp luật